

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Bình Định
giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 171/TTr-SLĐTBXH ngày 05/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND

các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh, Bộ CHBĐBP tỉnh;
- Ban Quản lý KKT tỉnh;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh;
- Báo, Đài PT&TH Bình Định;
- CVP, PVP VX;
- Lưu VT, K20.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM

Đến 31/12/2020, dân số tỉnh Bình Định có 1.487.903 người. Số người trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 60% so với tổng dân số, hàng năm có khoảng 20.000 người bước vào tuổi lao động. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đến cuối năm 2020 có 869.135 người, trong đó lao động nữ có 422.129 người chiếm 48,57%; khu vực nông thôn có 455.103 người chiếm 52,36%.

Đến tháng 12/2020, toàn tỉnh có khoảng 7.500 doanh nghiệp đang hoạt động (trong đó có trên 84% doanh nghiệp vừa và nhỏ) thuộc các loại hình doanh nghiệp, 242 hợp tác xã, 69 làng nghề, 114 trang trại, 03 Khu công nghiệp, 01 Khu kinh tế, 44/61 cụm công nghiệp, hàng năm thu hút từ 15.000 - 17.000 lao động vào làm việc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trong 05 năm (2016-2020) đã giải quyết việc làm cho 141.541 lao động, bình quân 28.308 người/năm, đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra (mỗi năm từ 28.000 - 32.000 người). Cơ cấu lao động đến cuối năm 2020: Nông - lâm - ngư nghiệp: 32,90%; công nghiệp - xây dựng: 29,00% và thương mại - dịch vụ: 38,1%. Tỷ lệ thất nghiệp chung của tỉnh là 2,85% (trong đó, tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị chiếm 4,70%).

1. Tạo việc làm từ phát triển kinh tế - xã hội, chính sách việc làm công

Giai đoạn 2016-2020, tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tăng bình quân hàng năm 6,4%, trong đó: nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,04%; công nghiệp - xây dựng tăng 9,13%; dịch vụ tăng 6,16%. Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: nông, lâm nghiệp, thủy sản 27,63%; công nghiệp - xây dựng 28,58%; dịch vụ 39,25%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,54%.

Sản xuất công nghiệp phát triển khá, tỉnh đã tập trung điều chỉnh, bổ sung các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và

xây dựng kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Nhơn Hội, các khu, cụm công nghiệp; đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh giữ vững tốc độ tăng trưởng; một số ngành công nghiệp mới như năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến công nghệ cao... từng bước hình thành và có chiều hướng phát triển tốt; một số dự án có quy mô công suất lớn được đầu tư và đưa vào hoạt động, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 8,84%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân 7,92%.

Bên cạnh đó, đã tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục, phát triển sản xuất, mở rộng thị trường; đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh... Nhiều cụm công nghiệp, làng nghề ở các huyện, thị xã, thành phố đã đi vào hoạt động, phát huy hiệu quả; môi trường đầu tư được cải thiện, việc cải cách các thủ tục hành chính, công khai, minh bạch các thông tin trên các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tiếp cận thông tin, tìm hiểu cơ hội đầu tư và đầu tư các dự án trên địa bàn; cả giai đoạn có 4.300 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới.

Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, hầu hết các chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm, thủy sản đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực.

Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch đạt kết quả khá; xuất khẩu được đẩy mạnh, du lịch phát triển nhanh, trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực.

Trong giai đoạn qua, nhờ thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp, kết hợp với thực hiện lồng ghép chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chính sách việc làm công với chương trình giải quyết việc làm, đã giải quyết việc làm cho nhiều lao động trên địa bàn tỉnh.

2. Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm

Trong giai đoạn qua, hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng lao động được kết nối qua nhiều hình thức, như trực tiếp tại trụ sở chính, tại các điểm giao dịch vệ tinh của Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định, các phiên giao dịch việc làm; gián tiếp qua cổng thông tin điện tử việc làm, các website, điện thoại,... đã tạo cơ hội cho người lao động, người sử dụng lao động và các cơ sở đào tạo tiếp cận về thông tin thị trường đầy đủ hơn; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động trong việc học nghề và tìm kiếm việc làm, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp.

Bình quân hàng năm, Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định tổ chức 24 phiên giao dịch việc làm tại sàn giao dịch Quy Nhơn, 04 điểm giao dịch vệ tinh và khoảng 30 phiên giao dịch việc làm lưu động với 1.645 lượt doanh nghiệp và 6.510 lượt người tham gia; Kết quả có 2.500 lao động đăng ký việc làm; đã giới thiệu và cung ứng 2.050 lao động cho các doanh nghiệp. Hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh đã tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm cho 37.500 lượt người; cung ứng và giới thiệu việc làm từ 3.500 - 4.000 người.

Các hoạt động của Dự án “phát triển thị trường lao động và việc làm” thuộc

Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm - An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020 được triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả với kinh phí thực hiện cả giai đoạn là 4.479 triệu đồng (trong đó, Trung ương 2.369 triệu đồng, địa phương 2.110 triệu đồng). Bên cạnh công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, các địa phương đã triển khai thực hiện có hiệu quả công tác thu thập, cập nhật thông tin cung - cầu lao động, góp phần hoàn thiện cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động của tỉnh.

3. Dự án vốn vay giải quyết việc làm

Bằng nguồn vốn thu hồi và bổ sung hàng năm (cả Trung ương và địa phương), giai đoạn 2016-2020, Ngân hàng Chính sách xã hội cùng với các cơ quan, đơn vị liên quan đã xét duyệt, cho vay khoảng 15.000 dự án với số vốn giải ngân cho vay đạt 548.117 triệu đồng; giải quyết việc làm cho 20.000 lao động (bình quân mỗi năm 4.000 lao động). Trong đó, nguồn vốn ngân sách địa phương cho vay đạt 239.930 triệu đồng, với hơn 6.400 lượt hộ đã được vay vốn; giải quyết việc làm cho 8.000 lao động.

Kết quả thu nợ chương trình đạt tỷ lệ cao. Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng số dư nợ được không chế ở mức thấp, chiếm 0,035% trên tổng dư nợ.

4. Dự án hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài

Cùng với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm cho người lao động trong tỉnh, tỉnh rất quan tâm đến công tác tuyên truyền, vận động người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Bên cạnh các chính sách của Nhà nước, trong giai đoạn qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 về Quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động tỉnh Bình Định đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, giai đoạn 2017-2020.

Kết quả, giai đoạn 2016-2020, các đơn vị tham gia xuất khẩu lao động đã đưa 2.697 lao động của tỉnh đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng (tăng 46,94% so với giai đoạn 2011-2015), trong đó có 180 lao động thuộc các huyện nghèo. Thị trường các nước lao động đến làm việc: Nhật Bản 2.428 lao động, Hàn Quốc 89 lao động, Đài Loan 98 lao động và nước khác như Rumani, Quata, UAE...: 82 lao động.

Hiện nay, số lao động của tỉnh đang làm việc ở nước ngoài có khoảng 1.500 - 1.700 người, bình quân hàng năm, người lao động gửi tiền về cho gia đình khoảng 480 tỷ đồng.

5. Hỗ trợ người lao động hoàn thành hợp đồng lao động về nước

Trong 02 năm (2018-2019), thông qua hoạt động xác minh người lao động về nước đúng hạn và tạo nguồn xuất khẩu lao động ở địa phương, Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 38 lao động hoàn thành hợp đồng lao động về nước làm việc tại các doanh nghiệp trong tỉnh.

Số lao động hoàn thành hợp đồng lao động về nước chủ động đến đăng ký tìm việc làm, học nghề tại các Trung tâm Dịch vụ việc làm rất thấp. Người lao động khi về nước có số vốn tích lũy khá lớn, do đó phần lớn tự lập nghiệp, tự tạo việc làm mà không cần đến sự hỗ trợ việc làm hoặc chuyển đổi nghề.

6. Đào tạo nâng cao chất lượng lao động gắn với giải quyết việc làm

Công tác giáo dục nghề nghiệp từng bước được đổi mới; việc đào tạo nghề nghiệp đã gắn kết với nhu cầu xã hội, với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các doanh nghiệp đã tham gia và hợp tác với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc đào tạo nghề, giúp người học hình thành được các kỹ năng thực hành và có thể tiếp cận nhanh với công việc khi được tuyển dụng.

Kết quả, tuyển sinh và đào tạo nghề nghiệp cho 137.711 lao động (trong đó: Cao đẳng 7.469 người; Trung cấp 7.619 người; Sơ cấp và dưới 3 tháng là 122.623 người), góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2016 là 48,18% lên 56,002% năm 2020. Học sinh, sinh viên ra trường có việc làm đạt 80%.

Bên cạnh đó, nhằm giúp cho học sinh và phụ huynh các cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông (THCS, THPT) nhận thức đúng tầm quan trọng của việc phân luồng học tập, lựa chọn ngành nghề, trường học tập sau kết thúc chương trình học cấp THCS, THPT, đồng thời hiểu đúng về nghề nghiệp và việc làm, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực; nguyên nhân, hậu quả của việc lựa chọn sai nghề, trong giai đoạn qua, tỉnh đã tổ chức 47 buổi tuyên truyền, tư vấn, định hướng nghề nghiệp và việc làm sau khi tốt nghiệp cho 33.500 học sinh THCS, THPT trên địa bàn tỉnh, qua đó định hướng cho học sinh lựa chọn được một nghề học phù hợp với năng lực của bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu mà xã hội đang cần.

7. Hoạt động nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Nâng cao năng lực cán bộ Quản lý Nhà nước về lao động - việc làm

- Tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý lao động - việc làm cho 390 lượt cán bộ là lãnh đạo các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm, tỉnh đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện nghèo và các huyện có xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và tuyên truyền viên cơ sở cho khoảng 1.650 cán bộ thuộc UBND cấp xã; đội ngũ tuyên truyền viên thuộc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, UBMTTQ Việt Nam tại các xã, thị trấn.

b) Truyền thông về lao động - việc làm và dạy nghề

Hàng năm, các cơ quan chức năng của tỉnh đã phối hợp với Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lao động - việc làm, dạy nghề và thông tin thị trường lao động nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của người lao động, người sử dụng lao động và các cá nhân, tổ chức liên quan đồng thời tăng cường kết nối cung - cầu lao động.

c) Hoạt động giám sát, đánh giá

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Chương trình Giải quyết việc làm - Xuất khẩu lao động tỉnh) thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động của các địa phương. Qua đó, giúp các địa phương trong việc thực hiện các chính sách của nhà nước về việc làm và tạo việc làm; triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án tạo việc làm cho người lao động và kịp thời chấn chỉnh các sai sót, đồng thời nêu những kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt được

- Nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động được nâng lên; người lao động ngày càng chủ động tự tạo việc làm cho bản thân và cộng đồng, góp phần ổn định về an sinh xã hội. Đồng thời tạo sự chuyển biến tích cực về xây dựng nông thôn, giảm nghèo, giảm thiểu tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn.

- Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động tỉnh Bình Định đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, giai đoạn 2017-2020 là một đòn bẩy cơ chế, chính sách, thúc đẩy công tác đưa người lao động của tỉnh đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh, của người dân và phù hợp với nguyện vọng của người lao động. Bên cạnh đó, số lao động này được giải quyết việc làm, vừa nâng cao trình độ chuyên môn, tiếp thu công nghệ sản xuất mới và phương pháp quản lý tiên tiến, được rèn luyện tác phong và kỷ luật lao động công nghiệp, đồng thời cũng tăng thu ngoại tệ cho tỉnh, góp phần tích cực vào việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

- Dự án vay vốn tạo việc làm đã góp phần thực hiện tốt Chương trình giải quyết việc làm của tỉnh trong những năm qua, tạo nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, khôi phục và phát triển các làng nghề, ngành nghề truyền thống.

- Sàn giao dịch việc làm đã tăng tần suất và chất lượng phiên giao dịch, làm tốt vai trò tư vấn cho người sử dụng lao động về công tác tuyển dụng, về xác định chỉ tiêu tuyển dụng, đưa ra chế độ quyền lợi phù hợp cho người lao động; người lao động được tư vấn để định hướng, lựa chọn nghề nghiệp, công việc phù hợp với khả năng, nguyện vọng của bản thân, cũng như nắm rõ hơn thông tin của thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trên địa bàn, chính sách về bảo hiểm. Qua đó, đã tăng cường kết nối cung - cầu lao động.

- Cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động của tỉnh được hình thành và từng bước được hoàn thiện, cung cấp cho các ngành, các cấp, UBND các địa phương nhiều số liệu quan trọng để làm cơ sở cho công tác hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hướng nghiệp, đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho người lao động.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc làm của người lao động chưa thật sự bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời vụ; kết quả công tác giải quyết việc làm năm 2020 không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tỷ lệ thất nghiệp đối với sinh viên mới tốt nghiệp ra trường còn cao.

- Cơ cấu lao động của tỉnh chuyển dịch chậm, lực lượng lao động thuộc khu vực nông thôn còn chiếm tỷ trọng lớn, chưa đáp ứng với yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Mặc dù chính sách của Nhà nước, của tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia xuất khẩu lao động, tuy nhiên số lượng lao động đi xuất khẩu lao động chưa thật sự tương xứng với tiềm năng của tỉnh, số lao động thuộc các huyện nghèo, người dân tộc thiểu số tham gia còn rất ít.

- Hoạt động của sàn giao dịch việc làm và các điểm giao dịch vệ tinh đã được cải thiện đáng kể về tần suất và đã tập trung ở khu vực nông thôn, miền núi và các huyện nghèo của tỉnh, tuy nhiên, người lao động tham gia tại các phiên giao dịch còn ít, mặt khác, tỷ lệ lao động tìm được việc làm thông qua các phiên giao dịch việc làm còn thấp; công tác tuyên truyền, quảng bá sàn giao dịch việc làm điện tử chưa được thực hiện tốt, chưa có sự kết nối, liên thông giữa các ngành; nguồn lao động tham gia các sàn giao dịch việc làm chưa đáp ứng nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

- Khả năng cạnh tranh về chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh so với trong nước và các nước khu vực còn thấp; chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa đồng đều. Đội ngũ nhân lực chất lượng cao thiếu hụt nghiêm trọng, đặc biệt trong một số lĩnh vực đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu như y tế, pháp luật, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin,... tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ nghề còn thấp (khoảng 18% - 20%), năng suất lao động thấp (chỉ bằng 80% so với trung bình cả nước).

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan

- Còn một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chưa tập trung chỉ đạo sâu sát, quyết liệt; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong lĩnh vực giải quyết việc làm chưa thật sự đồng bộ, chặt chẽ.

- Việc thu hút đầu tư của tỉnh còn nhiều hạn chế, nhất là thu hút đầu tư nước ngoài, các dự án lớn, mang tính động lực; việc khai thác, phát triển kinh tế biển của tỉnh được đầu tư chưa hiệu quả và tương xứng với tiềm năng.

- Chất lượng doanh nghiệp của tỉnh còn nhiều hạn chế, yếu kém, hầu hết doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh chưa cao, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo đột phá phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

- Công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên còn nhiều bất cập.

- Công tác liên kết với các vùng, các tỉnh khác để lựa chọn những đơn vị, doanh nghiệp có thu nhập cao, điều kiện làm việc, ăn, ở tốt và có nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động của tỉnh nhà chưa được thực hiện.

- Chất lượng đào tạo, ngành nghề đào tạo chưa gắn kết được với thị trường lao động (đa số các sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học có ngành nghề kế toán, quản trị kinh doanh, tài chính,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thiếu hụt nhân lực trong một số ngành công nghệ tăng trưởng nhanh trong thời đại số hóa và tự động hóa, đặc biệt là ngành công nghệ thông tin).

b) Nguyên nhân khách quan

- Trong giai đoạn qua, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu đã gây nhiều bất lợi đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân. Đặc biệt đại dịch Covid-19 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của cả nước nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng, đã tác động tiêu cực đến công tác giải quyết việc làm.

- Phần lớn người lao động của tỉnh (đặc biệt là thanh niên) chưa có tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật lao động chưa nghiêm, còn tâm lý sợ rủi ro, ngại đi xa; sự hiểu biết về pháp luật của một bộ phận công nhân lao động còn hạn chế, nhất là một số công nhân lao động trẻ trong các đơn vị, doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế dân doanh; một bộ phận người lao động vẫn còn tư tưởng ỷ lại về chính sách giảm nghèo của Nhà nước, chưa thực sự vươn lên thoát nghèo.

PHẦN II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025.

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

1. Dự báo cung lao động

Đến năm 2021, dân số tỉnh Bình Định có 1.489,3 ngàn người, đến năm 2025 có khoảng 1.495 ngàn người. Số người trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 60% so với tổng dân số, hàng năm có khoảng 20.000 người bước vào tuổi lao động.

Giai đoạn 2021-2025, tốc độ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, làm cho nhu cầu tìm kiếm việc làm tăng mạnh trong giai đoạn này.

Mặc khác, theo quy định của Bộ luật Lao động 2019 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021, tuổi nghỉ hưu của lao động nam và nữ sẽ tăng lên, đồng thời dân số Việt Nam trong đó có tỉnh ta đang già hóa với tốc độ rất nhanh, tạo thêm áp lực mới cho công tác giải quyết việc làm. Điều này đòi hỏi những thay đổi về chính sách lao động, việc làm, an sinh xã hội.

2. Dự báo cầu lao động

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh ta tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh (Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 về phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 5025/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; Quyết định số 4051/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 30/5/2015 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030; Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 về phê duyệt quy hoạch phát triển trồng trọt tỉnh Bình Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 08/6/2021 triển khai thực hiện Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh...) và các dự án thuộc Chương trình mục tiêu về việc làm, dự báo sẽ thu hút khoảng 150.000 lao động. Đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh có trên 10.500 doanh nghiệp, tạo thêm khoảng 60.000 chỗ việc làm mới; các chương trình phát triển kinh tế - xã hội thu hút khoảng 53.000 lao động; cho vay giải quyết việc làm 25.000 lao động; đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 4.000 người; lao động đi làm việc ngoài tỉnh 8.000 người.

3. Cơ hội, thách thức

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được coi như điểm nhấn của kỷ nguyên số, có tác động mạnh mẽ đến các ngành và nghề trong nền kinh tế, trong đó có Việt Nam nói chung và tỉnh ta nói riêng với nguồn cung lao động khá dồi dào và ổn định. Những tác động đó đang được thể hiện rõ rệt và cụ thể qua từng vị trí công việc cũng như những chiến lược, định hướng, kế hoạch... trong việc phát triển thị trường lao động. Cụ thể, tác động đến số lượng, chất lượng việc làm thông qua sự thay thế sức lao động bằng máy móc, rô-bốt, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng công nghệ thông tin đối với một số ngành, nghề đang diễn ra nhanh chóng thâm nhập nơi làm việc trên thị trường lao động Việt Nam. Điều này cũng sẽ làm thay đổi bản chất của việc làm, sẽ làm một số công việc biến mất nhưng đồng thời sẽ tạo ra nhiều công việc mới. Với

những công nghệ này có tiềm năng giải phóng lao động Việt Nam khỏi những công việc có giá trị gia tăng thấp, tạo điều kiện cho lao động tham gia vào những công việc ít nhàm chán, có giá trị gia tăng cao hơn. Đồng nghĩa với việc làm tăng năng suất của người lao động.

Nhưng nếu không có sự chuẩn bị tốt thì cách mạng công nghiệp 4.0 có thể sẽ dẫn đến mất việc làm ở một số ngành, nghề... điển hình là nguy cơ thay thế lao động trong ngành dệt may, da giày. Theo báo cáo của ILO công bố tháng 7 năm 2016 cho thấy Việt Nam có đến 86% lao động trong các ngành dệt may và giày dép có nguy cơ cao mất việc dưới tác động của những đột phá về công nghệ như được nêu trên. Tỷ lệ rất lớn này sẽ chuyển thành con số tuyệt đối rất lớn vì khu vực này các ngành đang tạo việc làm cho nhiều lao động (khoảng gần 2,3 triệu người, trong đó khoảng 78% là lao động nữ). Đặc biệt, trong số lao động này lại có nhiều lao động ít kỹ năng (trên 20% có trình độ tiểu học), và một tỷ lệ đáng kể không còn trẻ, từ 36 tuổi trở lên chiếm 35,84% đối với dệt may và 25,37% đối với giày dép. Tại tỉnh ta, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dệt may, da giày khoảng 102 doanh nghiệp với trên 26.000 lao động. Đây là nhóm không dễ dàng tìm được việc làm thay thế ở trong khu vực chính thức.

Cộng đồng kinh tế ASEAN đã hình thành và tác động trực tiếp đến thị trường lao động Việt Nam nói chung và tỉnh ta nói riêng. Và với bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế với sự tham gia các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA và các thỏa thuận hợp tác lao động song phương, đã mở rộng cơ hội việc làm cả trong nước và ngoài nước cho người lao động. Tuy nhiên, điều này cũng tạo nên thách thức lớn cho lao động của Việt Nam với nguồn lao động tuy dồi dào nhưng chất lượng còn hạn chế; thiếu sự năng động, tác phong công nghiệp và kỹ năng mềm.

Đồng thời, tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến thị trường lao động của Việt Nam, trong đó có tỉnh nhà. Vì vậy, người lao động có nguy cơ bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc, nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập rất cao.

Từ những dự báo nêu trên cho thấy trong 05 năm tới vẫn còn mất cân đối giữa cung và cầu lao động (nguồn cung lao động của tỉnh lớn hơn khả năng thu hút lao động làm việc trong tỉnh, đi làm việc ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động), dẫn đến tình trạng còn một bộ phận người lao động không có việc làm. Tình trạng thất nghiệp ngày càng tăng cao do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo nên sức ép lớn trong vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt là việc làm chất lượng cao, ổn định.

Để phát huy hiệu quả những kết quả đạt được của Chương trình giải quyết việc làm giai đoạn 2016-2020 và bổ sung, điều chỉnh các nội dung, hoạt động cũng như cơ chế, chính sách thực hiện theo hướng hiệu quả, lồng ghép, thì việc xây dựng Chương trình giải quyết việc làm của tỉnh giai đoạn 2021-2025 là rất cần thiết, nhằm cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về giải quyết việc làm cho người lao động, giảm dần tình trạng thất nghiệp, góp

phân cân đối mối quan hệ cung - cầu lao động trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Giải quyết việc làm là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, của tỉnh và của toàn dân. Tỉnh có chính sách phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo việc làm cho người lao động, xác định mục tiêu giải quyết việc làm trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Giải quyết việc làm cho người lao động là việc làm có ý nghĩa lớn về kinh tế - chính trị và ổn định xã hội, là vấn đề vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài trong việc thực hiện mục tiêu đến năm 2025, tỉnh ta sớm trở thành một tỉnh công nghiệp.

Gắn thực hiện Chương trình giải quyết việc làm với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện việc lồng ghép với các chương trình mục tiêu khác trên cùng một địa bàn.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Giải quyết việc làm cho người lao động nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về nguồn lao động ở địa phương phục vụ cho quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao đời sống của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động thông qua Chương trình giải quyết việc làm là động lực, mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động góp phần xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Phát triển thị trường lao động lành mạnh, ổn định; khuyến khích tạo ra nhiều việc làm tăng thêm, mở rộng và phát triển sản xuất thu hút người lao động làm việc; tăng cường kết nối cung - cầu lao động, tư vấn, cung ứng lao động đi làm việc ngoài tỉnh và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2021-2025, mỗi năm giải quyết việc làm cho 30.000 lao động (trong đó hỗ trợ tạo việc làm cho 5.000 lao động thông qua các dự án vay vốn tạo việc làm, đưa khoảng 800 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng).

Đến năm 2025, cơ cấu lao động có việc làm: Nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 28%; công nghiệp - xây dựng chiếm 30%; dịch vụ chiếm 42%.

Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động. Bình quân hàng năm tư vấn nghề, việc làm cho khoảng 30.000 - 32.000 lượt người, nâng tỷ lệ lao động tìm việc làm qua hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm lên khoảng 40% vào năm 2025.

Phấn đấu duy trì tỷ lệ thất nghiệp chung ở mức thấp dưới 3%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.

IV. PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.
2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021-2025.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

a) Bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo với hàm lượng khoa học công nghệ cao, tăng tỷ lệ nội địa hóa; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ... Tiếp tục phát triển các ngành hàng, sản phẩm có lợi thế của tỉnh. Nâng cao hiệu quả công tác khuyến công.

b) Hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng: Bên cạnh các chính sách của Trung ương, xây dựng các chính sách phù hợp của tỉnh nhằm tạo động lực và điều kiện thuận lợi nhất nhằm khuyến khích, hỗ trợ cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

2. Tạo việc làm từ phát triển kinh tế - xã hội

Giai đoạn 2021-2025, phấn đấu giá trị tổng sản phẩm địa phương bình quân hàng năm tăng 7,0 - 7,5%. Trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 9,5 - 10,2%; dịch vụ tăng 7,1 - 7,5%; nông - lâm - thủy sản tăng 3,2 - 3,6%. Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế của tỉnh là: công nghiệp - xây dựng 31,8%; dịch vụ 39,6%; nông - lâm - thủy sản 23,4% và thuế trừ trợ cấp sản phẩm 5,2%.

a) Phát triển công nghiệp với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững

- Xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, làng nghề đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng, đưa vào hoạt động các khu, cụm công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch, nhất là dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Becamex Bình Định. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng và nâng cao hiệu quả hoạt động các khu, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục phát triển các ngành hàng, sản phẩm có lợi thế của tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác khuyến công.

- Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, chủ động nguồn nguyên liệu, đào tạo và sử dụng nhân lực,... mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; hỗ trợ việc thành lập mới và chuyển hộ kinh doanh cá thể thành doanh nghiệp; phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã kiểu mới, phát triển mạnh kinh tế tư nhân...

- Tăng cường thu hút đầu tư; ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp công nghệ

cao, thân thiện với môi trường, tạo nguồn thu cho ngân sách, suất đầu tư trên một đơn vị diện tích lớn; không thu hút các dự án nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu.

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển toàn diện sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch, nông nghiệp hữu cơ, đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp; tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng; xây dựng, nhân rộng mô hình cánh đồng lớn, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh phù hợp với lợi thế địa phương và nhu cầu thị trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường công tác nghiên cứu, khảo nghiệm, tuyển chọn và sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao. Đẩy mạnh triển khai chương trình cơ giới hóa, từng bước triển khai tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp và ứng dụng công nghệ sau thu hoạch. Huy động các nguồn vốn đầu tư và kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP).

- Phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Thực hiện cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng phát triển khai thác xa bờ, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản trên biển và ven biển; tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá; chú trọng phát triển chế biến thủy sản. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi. Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên; nâng cao chất lượng rừng trồng, nhất là rừng gỗ lớn.

- Tiếp tục tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt việc lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến cuối năm 2025, có trên 85% tổng số xã trong tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, 36 xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao và có thêm 3 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Phát triển và nâng cao hiệu quả các hoạt động thương mại, dịch vụ; đẩy mạnh xuất khẩu; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; phát triển mạnh hệ thống bán buôn, bán lẻ trong tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ. Phát triển và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ: Tài chính, ngân hàng, vận tải, bưu chính viễn thông, tư vấn, bảo hiểm... Chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ có lợi thế của tỉnh như cảng biển, hàng không, đường sắt; tạo điều kiện đầu tư nâng cấp các cảng biển, phát triển dịch vụ logistics, dịch vụ kho bãi... Bảo đảm tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GRDP.

- Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển du lịch trên cơ sở

phát huy lợi thế về cảnh quan, môi trường, văn hóa, di tích, lịch sử và con người trong xây dựng thương hiệu du lịch Bình Định. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá và kết nối du lịch với các địa phương trong và ngoài nước; đôn đốc, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án du lịch, nhất là các khu vui chơi - giải trí quy mô lớn, hiện đại, đa dạng hóa các sản phẩm phục vụ du lịch... Trong đó, chú trọng hoàn thiện hạ tầng du lịch tại thành phố Quy Nhơn; các tuyến du lịch trọng điểm: Quy Nhơn - Sông Cầu, Phương Mai - Núi Bà, Quy Nhơn - An Nhơn - Tây Sơn - Vĩnh Thạnh, phát triển du lịch cộng đồng và các điểm du lịch tại các huyện, thị xã trong tỉnh... Phấn đấu đến năm 2025 thu hút 08 triệu lượt khách du lịch.

3. Cho vay vốn tạo việc làm

a) Thực hiện có hiệu quả công tác cho vay giải quyết việc làm cho người lao động và cơ sở sản xuất kinh doanh.

b) Phân bổ nguồn vốn cho vay kịp thời theo kế hoạch tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội của tỉnh: Ưu tiên cho các huyện, thị xã, thành phố sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay tạo việc làm; ưu tiên cho người lao động vay tự tạo việc làm, phát triển các ngành nghề theo định hướng của tỉnh; ưu tiên cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thu hút, tạo nhiều việc làm cho người lao động, chú trọng đối tượng là thanh niên lập nghiệp khởi nghiệp, lao động đặc thù (người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người cao tuổi, người chấp hành xong án phạt tù, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự...).

c) Hỗ trợ vốn vay tín dụng nhằm tạo thêm việc làm tại chỗ cho lao động, mở rộng sản xuất, tăng năng suất lao động; hạn chế lực lượng lao động của tỉnh, nhất là những lao động có trình độ tay nghề cao đi ra ngoài tỉnh làm việc, tranh thủ nguồn lao động phục vụ phát triển kinh tế tại địa phương.

d) Lồng ghép nguồn vốn vay với việc xây dựng các mô hình tạo việc làm có hiệu quả, áp dụng nhiều khoa học kỹ thuật, phát triển làng nghề truyền thống.

e) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay, phối hợp các đơn vị nhận ủy thác, chính quyền địa phương quản lý tốt nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm, bảo đảm quay vòng nguồn vốn, đáp ứng ngày càng nhiều nhu cầu vay vốn của người lao động.

4. Hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn chính sách của Trung ương và của tỉnh về công tác xuất khẩu lao động để người lao động biết và tích cực tham gia, nhất là lao động thuộc các đối tượng chính sách, lao động thuộc 03 huyện nghèo và lao động khu vực nông thôn, chú trọng những thị trường có thu nhập cao, ổn định, điều

kiện làm việc, ăn ở tốt như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và đi du học điều dưỡng tại Nhật Bản, Cộng hòa Liên bang Đức.

c) Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài có uy tín, đơn hàng tốt về tuyển chọn lao động trên địa bàn tỉnh.

5. Hỗ trợ người lao động hoàn thành hợp đồng lao động về nước

a) Tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, tư vấn lập nghiệp phù hợp với công việc mà người lao động đã làm ở nước ngoài.

b) Hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề theo nhu cầu của người lao động sau khi hoàn thành hợp đồng lao động về nước.

c) Hỗ trợ cho vay vốn tạo việc làm, theo đó cần tập trung vào các thế mạnh của tỉnh như: Làm trang trại, đánh bắt xa bờ, nuôi trồng thủy, hải sản, các mô hình nông nghiệp hiệu quả.

6. Hỗ trợ chuyển dịch việc làm đối với người lao động ở khu vực nông thôn

a) Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn

Bao gồm các nội dung: Hỗ trợ học nghề; tư vấn miễn phí về chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, học nghề; giới thiệu việc làm miễn phí; vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm và nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

b) Hỗ trợ học nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn

Người lao động ở khu vực nông thôn học nghề dưới 03 tháng hoặc học nghề trình độ sơ cấp ở cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ chi phí học nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ để phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng việc làm tại chỗ cho người lao động ở khu vực nông thôn thông qua các hoạt động: Vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm và nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội; hỗ trợ cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm; miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

7. Chính sách việc làm công

a) Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện; chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được và nhu cầu sử dụng lao động tham gia thực hiện chính sách việc làm công.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách người lao động có nhu cầu tham gia chính sách việc làm công; niêm yết công khai tại trụ sở, các nơi sinh hoạt cộng đồng

và thông báo trên các phương tiện truyền thông của cấp xã, phối hợp với nhà thầu (nếu có), các tổ chức chính trị - xã hội, đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi từ dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công lựa chọn người lao động tham gia chính sách việc làm công trong danh sách người lao động đăng ký tham gia theo thứ tự ưu tiên:

- Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Việc làm.
- Người lao động thuộc hộ gia đình hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu.
- Người lao động cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án, hoạt động.

8. Hỗ trợ phát triển thị trường lao động

a) Triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; thúc đẩy phát triển thị trường lao động toàn diện, bền vững theo hướng hiện đại, hiệu quả phù hợp với điều kiện của tỉnh làm cơ sở, động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chủ động hội nhập thị trường, đẩy mạnh kết nối cung - cầu lao động của tỉnh với cả nước và gắn với thị trường lao động quốc tế.

b) Đầu tư, nâng cao năng lực hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định trong tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên; phối hợp hoạt động của Trung tâm với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp; nâng tần suất phiên giao dịch việc làm, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, hướng tới tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm phù hợp tại cơ sở; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dịch vụ việc làm; thực hiện kết nối thông tin thị trường lao động của tỉnh, khu vực và cả nước.

c) Thực hiện có hiệu quả công tác thu thập, cập nhật, lưu trữ, tổng hợp dữ liệu về thông tin thị trường lao động theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu về người lao động có sự kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội.

d) Hình thành cơ sở dữ liệu về người lao động hoàn thành hợp đồng lao động về nước.

9. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với giải quyết việc làm

a) Đổi mới công tác giáo dục nghề nghiệp theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chú trọng đào tạo công nhân lành nghề bậc cao cho các khu công nghiệp, lao động có tay nghề cao cho các ngành dịch vụ và lao động xuất khẩu.

b) Quan tâm đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

c) Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá dạy nghề, đa dạng hoá các hình thức đào tạo nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động tham gia vào quá trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp để chương trình, nội dung đào tạo gắn liền với thực tiễn, đào tạo theo vị trí việc làm, theo nhu

cầu thị trường lao động, đồng thời doanh nghiệp sẽ tham gia vào xây dựng chương trình đào tạo và giám sát cả quá trình đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong đào tạo nghề.

d) Tổ chức các chương trình hướng nghiệp đa dạng về đối tượng, nội dung và hình thức, linh hoạt địa điểm; đào tạo đội ngũ nhân sự tham gia tổ chức hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên; tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau THCS, THPT vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế.

10. Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá Chương trình giải quyết việc làm

a) Nâng cao năng lực cán bộ lao động - việc làm

Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý về lao động, việc làm, kỹ năng tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động đi làm việc trong, ngoài tỉnh, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài cho khoảng 350 lượt là lãnh đạo, cán bộ của các sở, ban, ngành, hội đoàn thể của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, trị trấn trên địa bàn tỉnh; trên 1.500 cộng tác viên các cấp thuộc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, UBMTTQ Việt Nam tại các xã, phường, thị trấn.

b) Truyền thông về lao động - việc làm

Đẩy mạnh các hoạt động tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn cho các doanh nghiệp, người lao động về xây dựng văn hóa lao động, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm.

Truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về Chương trình giải quyết việc làm bằng nhiều hình thức phù hợp; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên hệ thống thông tin đại chúng, trên môi trường mạng, pano, áp phích, tờ bướm, thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, nhằm nâng cao nhận thức của người dân về lĩnh vực phát triển kinh tế gắn với giải quyết việc làm để tạo thêm chỗ làm việc, tự tạo việc làm cho người lao động.

Tuyên truyền, làm thay đổi nhận thức của người lao động về việc làm, tìm kiếm việc làm phù hợp với năng lực và nhu cầu thị trường việc làm tại địa phương, tạo ra thu nhập cho bản thân và gia đình, từng bước chuyển đổi ngành, nghề phù hợp. Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, làm thay đổi nhận thức của người dân về lựa chọn nghề nghiệp.

Tổ chức tuyên truyền về công tác xuất khẩu lao động có tham gia báo cáo của những điển hình người lao động hoàn thành hợp đồng lao động về nước có thu nhập cao.

c) Hoạt động giám sát, đánh giá

Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về lao động - việc làm; tình hình thực hiện các dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu về việc làm và Chương trình giải quyết việc làm của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Phát huy đồng bộ các hệ thống giám sát, đánh giá: Giám sát từ trên xuống, giám sát từ cơ sở, tự giám sát... việc giám sát, đánh giá đầu vào, đầu ra và tác động thông qua đánh giá thực hiện các hoạt động.

Hàng năm tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

11. Nguồn vốn và kinh phí thực hiện

a) Kinh phí từ ngân sách trung ương (Quỹ Quốc gia về việc làm).

b) Kinh phí từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

c) Ngân sách nhà nước được bố trí từ dự toán chi thường xuyên hàng năm của các sở, ngành liên quan và các địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Kinh phí tài trợ hợp pháp khác của các tổ chức trong và ngoài nước.

đ) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, hội đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chương trình.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quản lý, sử dụng và điều hành hoạt động cho vay của Quỹ Quốc gia về việc làm và nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội có hiệu quả.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài giai đoạn 2021-2025; Chủ động phối hợp với các doanh nghiệp có chức năng để tuyển chọn và đưa lao động của tỉnh đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thu thập, cập nhật thông tin thị trường lao động: Cập nhật thông tin cung lao động đến tất cả các hộ dân trên địa bàn tỉnh; cập nhật thông tin cầu lao động trong các doanh nghiệp; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm; tập

trung công tác phân tích, dự báo thị trường lao động, dịch vụ việc làm và bảo hiểm thất nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chương trình Phát triển Giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025 nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, trong đó chú trọng hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đào tạo và sử dụng lao động.

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp, biện pháp liên quan đến lĩnh vực lao động - việc làm.

b) Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan lập kế hoạch, xây dựng dự toán kinh phí các hoạt động được giao chủ trì trong Kế hoạch trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Hàng năm, căn cứ vào khả năng và tình hình thực tế ngân sách địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan đề xuất các chính sách, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực lao động - việc làm.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan cân đối ngân sách hàng năm cho các hoạt động, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt, đồng thời đề xuất kế hoạch bổ sung nguồn vốn và phân bổ chỉ tiêu, kế hoạch kinh phí được Trung ương bố trí hàng năm cho Chương trình.

b) Thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển các dự án trên địa bàn tỉnh; triển khai các hoạt động nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, khuyến khích các hộ kinh doanh chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp nhằm giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động.

c) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan đề xuất các chính sách, giải pháp, cũng như việc tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực lao động - việc làm.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện và hướng dẫn xây dựng các chính sách, dự án thuộc ngành quản lý; phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, hỗ trợ di dân ổn định cuộc sống.

b) Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, tăng cường liên kết sản xuất và

tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng, nhân rộng mô hình cánh đồng lớn, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh phù hợp với lợi thế địa phương và nhu cầu thị trường; thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP); phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Thực hiện cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng phát triển khai thác xa bờ, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản trên biển và ven biển; tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá; chú trọng phát triển chế biến thủy sản; tiếp tục tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, thực hiện tốt việc lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm tạo việc làm cho người lao động.

c) Thực hiện các chương trình, chính sách về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan đề xuất các chính sách, giải pháp, cũng như việc tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực lao động - việc làm.

5. Sở Công Thương

a) Tham mưu cho UBND tỉnh bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo với hàm lượng khoa học công nghệ cao, tăng tỷ lệ nội địa hóa; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ...

b) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thực hiện có hiệu quả các Chương trình khuyến công, Chương trình xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường... góp phần tăng năng suất và chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, duy trì và mở rộng sản xuất, thu hút lao động vào làm việc.

c) Phối hợp, hỗ trợ cho việc đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ kinh doanh thu hút, giải quyết việc làm cho người lao động.

d) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan đề xuất các chính sách, giải pháp, cũng như việc tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực lao động - việc làm.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong công tác định hướng nghề nghiệp, phân luồng, liên thông đào tạo để phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu của thị trường lao động.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm Dịch vụ việc làm tuyên truyền chính sách lao động - việc làm và giải quyết nhu cầu học nghề, việc làm cho quân nhân là người Bình Định hoàn thành nghĩa vụ quân sự chuẩn bị xuất ngũ về địa phương tại các Quân khu, Quân đoàn.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế nghiên cứu thị trường, tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động và thực hiện cơ chế ưu tiên tuyển dụng lao động trong tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế để giới thiệu, thu hút người lao động vào làm việc.

9. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Thực hiện tốt việc tiếp nhận, thẩm định, giải ngân, thu hồi, xử lý nguồn vốn giải quyết việc làm và vốn cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (kể cả nguồn vốn Trung ương và của tỉnh) theo đúng quy định và thẩm quyền. Ưu tiên hỗ trợ giải quyết cho vay đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch nhu cầu vốn cho vay giải quyết việc làm, cho vay đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

c) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu phân bổ vốn cho vay giải quyết việc làm và cho vay đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh để ủy thác cho các đơn vị giải ngân cho vay kịp thời. Đồng thời tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động cho vay.

10. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định

a) Phối hợp với các sở ngành và địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về thực hiện Chương trình giải quyết việc làm giai đoạn 2021-2025.

b) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực lao động - việc làm và giáo dục nghề nghiệp; tổ chức tuyên truyền, đưa tin bài, ảnh; nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình mới, cách làm hay hiệu quả góp phần thực hiện tốt Chương trình.

11. Các sở, ngành liên quan

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của ngành, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm, kế hoạch giai đoạn, gắn với chỉ tiêu tạo việc làm, thu hút lao động và xem đó như là một trong những chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch; tổ chức quản lý, điều hành và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành, địa phương đề xuất các biện pháp để ổn định việc làm, tạo việc làm tăng thêm và giải quyết những bức xúc về vấn đề việc làm của ngành mình.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý thực hiện tốt việc giải quyết việc làm cho người lao động; nghiên cứu thị trường, tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa các sản phẩm, đổi mới công nghệ theo hướng tăng năng suất lao động, hàm lượng công nghệ và chất xám trong sản phẩm, tạo thêm nhiều việc làm bền vững cho người lao động, đặc biệt việc làm có năng suất và thu nhập cao.

c) Khuyến khích các doanh nghiệp ưu tiên tiếp nhận lao động tại địa phương vào làm việc tại doanh nghiệp, đặc biệt là cho các nhóm lao động đặc thù (lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, chuyển đổi nghề nghiệp; người khuyết tật; người lao động dân tộc thiểu số; lao động khu vực nông thôn; thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự; người chấp hành xong án phạt tù; học sinh, sinh viên mới tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp,...).

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội đoàn thể tỉnh

a) Tuyên truyền, phổ biến đến thành viên, hội viên, đoàn viên việc thực hiện chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, về ý thức học nghề, chọn ngành nghề.

b) Phát huy tính tự quản trong tham gia và quản lý tốt các chương trình, dự án được phân bổ và thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.

c) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hướng dẫn xây dựng, tổ chức triển khai và thực hiện dự án vay vốn giải quyết việc làm.

d) Tham gia giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giải quyết việc làm hằng năm và cả giai đoạn của địa phương phù hợp với mục tiêu Chương trình giải quyết việc làm của tỉnh giai đoạn 2021-2025, tổ chức thực hiện lồng ghép với Chương trình giảm nghèo, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các dự án khác để giải quyết việc làm cho người lao động của địa phương.

b) Triển khai có hiệu quả nguồn vốn vay quỹ quốc gia về việc làm hàng năm trên địa bàn quản lý.

c) Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để người lao động hiểu rõ khi tham gia; tạo điều kiện giải quyết các thủ tục hành chính kịp thời, đồng thời phối hợp với các doanh nghiệp làm tốt công tác tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại địa phương.

d) Hàng năm, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu thị trường lao động, nắm tình hình sử dụng và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp; nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn, tổng hợp báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

đ) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách việc làm công.

e) Chỉ đạo các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lao động - việc làm.

14. Các đơn vị, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Nâng cao chất lượng đào tạo và dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, trong đó chú trọng quan tâm đến nhu cầu của người sử dụng lao động trong tỉnh và ngoài tỉnh.

b) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hợp tác với doanh nghiệp để tăng cường năng lực trong chuyển giao, tiếp cận công nghệ sản xuất mới... nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

c) Phối hợp với các ngành, địa phương, doanh nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm giải quyết việc làm cho số học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường.

15. Chế độ thông tin, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao trong Chương trình, tổ chức triển khai thực hiện và định kỳ trước ngày 15/11 hàng năm gửi báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Trên đây là Chương trình Giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan liên quan phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.